TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/2022/DS-ST
Ngày: **29/6/2022**
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Đăng Thanh**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hồ Hải Hùng**
Bà **Nguyễn Thị Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Khải** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa:

Ông **Nguyễn Văn Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 160/2020/TLST-DS ngày 14/10/2020 về việc:*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-DS ngày 11/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2022/QĐST-DS ngày 31/5/2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1977;

Ông **Lê Mười U**, sinh năm 1974;

Ông Lê Mười Ú ủy quyền cho bà **Nguyễn Thị H** theo Văn bản lập ngày 26/10/2020 tại Văn phòng công chứng Hồ Quốc Thắng.

Cùng trú tại: tổ dân phố 6, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

* *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm: 1981;

Trú tại: Tổ dân phố P, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông **Võ Văn V**, sinh năm 1976; Trú tại: tổ dân phố P, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

2/ Ông **Nguyễn Thành N**, sinh năm 1960; vắng mặt.

3/ Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1963; vắng mặt.

4/ Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1986; vắng mặt.

5/ Ông **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1992; vắng mặt.

6/ Ông **Nguyễn Văn T3**, sinh năm 1992; vắng mặt.

Cùng trú tại: Tổ dân phố T, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

7/ Bà **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1990; Trú tại: TDP 18, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:* Vào ngày 20/02/2020 âm lịch, vợ chồng bà có cho bà Nguyễn Thị Thu T mượn số tiền 110.000.000 đồng *(Một trăm mười triệu đồng)* để làm ăn, có thỏa thuận mức lãi là 80.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng. Khi mượn tiền hai bên có viết giấy vay tiền và bà T có đưa cho bà 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01382 QSDĐ/NH-NH ngày 27/10/1998 mang tên hộ ông Nguyễn Thành N và bà Nguyễn Thị N do UBND huyện N (nay là thị xã N), tỉnh Khánh Hòa (bản chính) để làm tin.

Từ lúc vay tiền cho đến nay thì bà T không thực hiện việc trả nợ như thỏa thuận nên vợ chồng bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà T, ông V trả nợ cho khoản tiền nợ gốc và tiền lãi suất như sau: *Số tiền nợ gốc là: 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng); Số tiền lãi tính từ ngày 20/02/2020 đến ngày 20/12/2020 âm lịch là 10 tháng với mức lãi suất 0.83%/tháng là 9.130.000 đồng (chín triệu một trăm ba mươi nghìn đồng).* Tổng số tiền nợ gốc và lãi là: 119.130.000 đồng (Một trăm mười chín triệu một trăm ba mươi nghìn đồng).

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01382 QSDĐ/NH-NH ngày 27/10/1998 do Ủy ban nhân dân huyện N (nay là thị xã N) cấp cho hộ ông Nguyễn Thành N và bà Nguyễn Thị N thì vợ chồng bà đồng ý trả lại cho ông Nguyễn Thành N và bà Nguyễn Thị N.

** Theo bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:* bà đồng ý theo lời trình bày của nguyên đơn. Bà thừa nhận còn nợ của bà Nguyễn Thị H và ông Lê Mười U số tiền 110.000.000 đồng *(một trăm mười triệu đồng).* Hiện nay do làm ăn gặp khó khăn nên không trả nợ theo thỏa thuận được. Nay vợ chồng bà đồng ý trả nợ cho bà H và ông U số tiền trên, nhưng xin trả dần 3.000.000đ (ba triệu đồng)/tháng cho đến khi hết số tiền trên và đồng ý chịu án phí dân sự sơ thẩm. Đề nghị bà H, ông U trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01382 QSDĐ/NH-NH ngày 27/10/1998 do Ủy ban nhân dân huyện N (nay là thị xã N) cấp cho hộ ông Nguyễn Thành N và bà Nguyễn Thị N cho cha mẹ bà.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn V:* thừa nhận vợ chồng ông còn nợ của bà Nguyễn Thị H và ông Lê Mười U và đồng ý trả theo phương thức trả nợ của vợ ông là bà T đã trình bày.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành N, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn T3, bà Nguyễn Thị Thu T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có bản tự khai và không tiến hành hòa giải được.*

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tại phiên tòa sơ thẩm:

Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa nhận thấy có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Thu T và ông Võ Văn V phải trả cho ông Lê Mười U, bà Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc là: 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng); Nợ lãi tính từ ngày 20/02/2020 đến ngày 20/12/2020 âm lịch là 10 tháng x 0.83% x 110.000.000 đồng = 9.130.000 đồng (Chín triệu một trăm ba mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền nợ gốc và lãi là: 119.130.000 đồng (Một trăm mười chín triệu một trăm ba mươi nghìn đồng), trả ngay một lần, khi án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ pháp luật tranh chấp: nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, ông Lê Mười U yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T phải trả số tiền 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng) nợ gốc và lãi phát sinh nên xác định là "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" và bị đơn có địa chỉ tại Tổ dân phố Phước Đa 3, phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Vì vậy, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa theo quy định tại khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2].Về thủ tục tố tụng: bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành N, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn T3, bà Nguyễn Thị Thu T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Do vậy, căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

[3].Về nội dung vụ án: bà Nguyễn Thị H, ông Lê Mười U với bà Nguyễn Thị Thu T đã tự nguyện xác lập hợp đồng vay tài sản, theo đó bà T vay số tiền 110.000.000đ *(Một trăm mười triệu đồng)* của bà H, ông U vào ngày 20/02/2020 ÂL có chữ ký của bà T. Bà T hẹn sẽ trả số tiền nợ gốc, lãi theo thỏa thuận là 80.000 đồng/1.000.000 đồng/01 tháng (tức 08%/tháng). Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ bà H, ông U đã nhiều lần yêu cầu bà T trả lại số tiền nợ gốc và lãi nhưng bà T cố tình trốn tránh không chịu trả. Quá trình giải quyết vụ án, bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt, chứng tỏ bà T không có thiện chí trả nợ vay và đã tự từ bỏ quyền chứng minh của mình tại phiên tòa sơ thẩm.

[4]. Xét hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị H, ông Lê Mười U với bà Nguyễn Thị Thu T là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, lãi suất thỏa thuận 08%/tháng là vượt quá mức lãi suất pháp luật cho phép, tuy nhiên các bên đương sự xác định chưa được nhận và trả đối với số tiền lãi này và nội dung thỏa thuận

giữa các các bên hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị H, ông Lê Mười U và bà Nguyễn Thị Thu T là hợp pháp. Hội đồng xét xử xác định đây là những tình tiết có thật và đã được các bên thừa nhận phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 2, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thời hạn trả nợ: ngày 11/8/2020, nguyên đơn bà H, ông U đã thông báo cho bị đơn bà T về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc và lãi là phù hợp với thời gian thông báo theo quy định tại Điều 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015. Sau khi được thông báo trả khoản tiền nợ vay, bị đơn bà T cố tình trốn tránh, không có thiện chí thanh toán cho nguyên đơn, không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay là vi phạm nội dung đã xác lập giữa hai bên, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, ông Lê Mười U. Buộc bà Nguyễn Thị Thu T và ông Võ Văn V phải trả nợ gốc là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị H, ông Lê Mười U ngay một lần.

Về tính lãi vay: việc nguyên đơn bà H, ông U và bị đơn bà T thỏa thuận về mức lãi 08%/tháng theo Giấy vay tiền lập ngày 20/02/2020ÂL là vượt quá mức lãi suất pháp luật cho phép, tuy nhiên tại bản tự khai ngày 04/5/2022 và tại phiên tòa thì nguyên đơn bà H, ông U yêu cầu được tính lại lãi vay từ ngày 20/02/2020 đến ngày 20/12/2020 âm lịch (10 tháng) với mức lãi suất 0.83%/tháng.

Hội đồng xét xử thấy rằng đối với việc vay tiền giữa các bên theo Giấy vay tiền đề ngày 20/02/2020 âm lịch ghi thỏa thuận về lãi suất nhưng đã quá thời gian mà các bên đã thỏa thuận về việc trả nợ, phía bị đơn bà T vẫn không trả số tiền nợ gốc và lãi trên cho nguyên đơn nên có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà H, ông U. Về số tiền lãi được tính lại từ ngày 20/02/2020 đến ngày 20/12/2020 (âm lịch) với mức lãi suất 0.83%/tháng cụ thể như sau: từ ngày 20/02/2020 đến ngày 20/12/2020 âm lịch là: 10 tháng x 0.83% x 110.000.000 đồng = 9.130.000 đồng (chín triệu một trăm ba mươi nghìn đồng).

[5].Về trách nhiệm trả nợ: theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H thì Tòa án xác định đương sự trong vụ án gồm: nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T (tại Thông báo thụ lý vụ án số: 160/TB-TLVA ngày 14/10/2020). Quá trình thụ lý, xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện thì Tòa án nhận thấy có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của ông Võ Văn V (chồng bà Nguyễn Thị Thu T) nên đã đưa ông V vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. *Theo quy định tại khoản 4, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nếu tham gia tố tụng với bên bị đơn thì có quyền lợi, nghĩa vụ của bị đơn quy định tại Điều 72 của Bộ luật này*. Như vậy, xác định ông Võ Văn V có quyền lợi, nghĩa vụ của bị đơn và nguyên đơn bà H, ông U yêu cầu bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu T, ông Võ Văn V có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc và lãi là: 119.130.000 đồng (một trăm mười chín triệu một trăm ba mươi nghìn đồng).

Hội đồng xét xử thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án ông Võ Văn V thừa nhận có biết việc vay tiền của vợ là bà T và đồng ý cùng trả số nợ trên nhưng xin trả dần 3.000.000đ (ba) triệu đồng hàng tháng cho đến khi hết số nợ trên. Xét yêu cầu của nguyên đơn bà H, ông U không vượt quá yêu cầu khởi kiện và căn cứ quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ, chồng chịu trách

nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc ông V (chồng) phải có nghĩa vụ liên đới với bà T (vợ) để trả số nợ trên cho vợ chồng bà H, ông U.

[6]. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Nguyễn Thành N và bà Nguyễn Thị N được Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hòa (nay là thị xã Ninh Hòa) cấp ngày 27/10/1998; vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01382 QSDĐ/NH-NH (bản chính) hiện bà H, ông U đang giữ làm tin đã tự nguyện trả lại cho ông N, bà N nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[7] Về án phí: bà Nguyễn Thị Thu T, ông Võ Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 264; Điều 266; Điều 269; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463; khoản 1, Điều 466; Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và ông Lê Mười U.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu T và ông Võ Văn V phải trả **119.130.000 đồng** *(Một trăm mười chín triệu một trăm ba mươi nghìn đồng)*. Trong đó, nợ gốc là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng), nợ lãi tính từ ngày 20/02/2020 đến ngày 20/12/2020 âm lịch là 9.130.000 đồng (Chín triệu một trăm ba mươi nghìn đồng) cho bà Nguyễn Thị H và ông Lê Mười U, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Quy định: Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H và ông Lê Mười U trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất SốL 260101, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01382 QSDĐ/NH-NH ngày 27/10/1998 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hòa (nay là thị xã Ninh Hòa) đứng tên hộ ông Nguyễn Thành N và bà Nguyễn Thị N cho ông N và bà N.

3. Về án phí: bà Nguyễn Thị Thu T và ông Võ Văn V phải chịu 5.956.500 đồng *(năm triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị H và ông Lê Mười U 2.942.500 đồng (*hai triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng)* tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0009946 ngày 09/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hánh án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Khánh Hòa;
-VKSND thị xã Ninh Hòa;
-Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Đăng Thanh